

Số: 933/QĐ-UBND

Nghiên Loan, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh
xã Nghiên loan giai đoạn 2026 – 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHIÊN LOAN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15/11/2025 của HĐND xã về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh 5 năm 2026 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 2611/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh xã Nghiên Loan giai đoạn 2026 – 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp có trách nhiệm chủ động xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng tiến độ yêu cầu. Xây dựng chương trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2026 - 2030 và các giải pháp cụ thể hóa của cơ quan, đơn vị mình để tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND xã; và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh (B.cáo);
- TT ĐU, HĐND xã (B/c);
- CT, PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xã;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dương Văn Quỳnh

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh xã

Nghiên Loan giai đoạn 2026 – 2030

*(Kèm theo Quyết định số 933 /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã
Nghiên Loan)*

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá phát triển mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết của HĐND xã đã chỉ ra và phân công tổ chức thực hiện.

Tạo sự thống nhất của các phòng, ban, ngành trong việc quán triệt và triển khai cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ; Nâng cao năng lực điều hành, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra.

Quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu chung nhiệm kỳ 2026 - 2030. Huy động cao nhất các nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế của xã để phát triển nhanh và bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Yêu cầu

Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, chương trình, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết của HĐND xã đã đề ra, xây dựng lộ trình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030; cụ thể bằng các chương trình, đề án, nhiệm vụ gắn với các cơ quan, đơn vị phụ trách.

Triển khai thực hiện các khâu đột phá phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Kịp thời cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương, Tỉnh để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh chung của xã.

Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính. Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tổ chức bộ máy nhà nước, chất lượng nguồn nhân lực và các hoạt động văn hóa - xã hội.

Chủ động nắm chắc tình hình, làm tốt công tác phòng chống tội phạm, an toàn giao thông, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo ổn định chính trị cho sự phát triển chung của xã

B. MỤC TIÊU, NỘI DUNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1.Mục tiêu tổng quát: Xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả, xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và toàn diện; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, thẩm quyền các lĩnh vực. Xác định, lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm hằng năm, khai thác hiệu quả các điều kiện thuận lợi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; phát triển phong trào văn hóa, thể thao; xây dựng nếp sống văn minh. Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, việc làm, an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện tốt công tác quốc phòng, quân sự địa phương; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2.Một số chỉ tiêu chủ yếu

(1) Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm (tốc độ tăng trưởng kinh tế) đạt từ 11%/năm trở lên.

(2) Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: nông, lâm nghiệp, thủy sản 70%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 10%; Dịch vụ - thương mại, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 20%.

(3) Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân hằng năm đạt từ 17,6%/năm. Tổng thu ngân sách nội địa đạt trên 17.915 triệu đồng, trong đó: Thu tiền sử dụng đất 300 triệu đồng; Thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết 17.615 triệu đồng.

(4) Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt từ 33 triệu đồng/người/năm, tăng 37% trở lên so với năm 2025.

(5) Hằng năm phấn đấu hoàn thành từ 2 – 3 tiêu chí nông thôn mới, đến năm 2030 xã đạt từ 15 tiêu chí nông thôn mới trở lên.

(6) Đảm bảo giữ vững an ninh lương thực trên địa bàn. Sản lượng lương thực có hạt đến năm 2030 đạt 5.250 tấn.

(7) Chuyển đổi diện tích canh tác lúa, ngô kém hiệu quả sang trồng các cây trồng khác có giá trị kinh tế đến năm 2030 đạt từ 50 ha trở lên. Phát triển diện tích cây trồng có giá trị kinh tế (cây ăn quả, cây dược liệu...) đến năm 2030 đạt trên 200 ha; Xây dựng mô hình sản xuất sản phẩm chủ lực của địa phương đến năm 2030 đạt từ 02 mô hình trở lên.

(8) Diện tích trồng rừng đến năm 2030 đạt 215 ha trở lên; ổn định tỷ lệ che phủ rừng đạt 65% trở lên.

(9) Tổng đàn vật nuôi (bao gồm xuất bán và giết mổ) đến năm 2030: Tổng đàn Trâu, Bò, Ngựa đạt 9.000 con trở lên; Tổng đàn lợn đạt 20.000 con; Đàn dê đạt 2.000 con trở lên. Tổng đàn gia cầm đạt trên 64.000 con; Sản lượng thịt gia

súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng đến năm 2030 đạt 2.810 tấn; Tiêm phòng đàn gia súc trong diện tiêm hằng năm đạt 80% trở lên.

(10) Tỷ lệ thu gom rác thải rắn sinh hoạt đến năm 2030 đạt 85% trở lên (bằng hình thức đốt, chôn lấp); Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý 100%; Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến năm 2030 đạt 95%;

(11) Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng xanh đạt 20%.

(12) Duy trì, nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP hiện có và phát triển mới sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên đến năm 2030 đạt 03 sản phẩm; HTX hoạt động có hiệu quả đến năm 2030 đạt 05 HTX.

(13) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều từ 7,12% trở lên.

(14) Hằng năm tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" đạt từ 90% trở lên; 90% trở lên thôn đạt danh hiệu văn hóa; hoàn thành xây dựng nhà văn hóa thôn; Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt từ 90% trở lên.

(15) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia đến năm 2030 đạt 60%. Phần đầu hằng năm trẻ em 5 tuổi ra lớp đạt 100%, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; học sinh vào lớp 6 đạt 100%; Duy trì phổ cập giáo dục Mầm Non trẻ 5 tuổi; Phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3; Phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; Xóa mù chữ mức độ 2. Số trường phổ thông dân tộc bán trú 5 trường.

(16) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin hằng năm đạt 90% trở lên; Giảm tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng nhẹ cân trẻ dưới 5 tuổi đến năm 2030 xuống dưới 10%, Giảm tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng thấp còi trẻ dưới 5 tuổi đến năm 2030 xuống dưới 23%.

(17) Phần đầu đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 38% trở lên; tạo việc làm mới hằng năm đạt từ 150 đến 200 lao động; Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn <2,3%.

(18) 100% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp; 100% tổng số hồ sơ công việc của toàn xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước). Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng đạt 100%. Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s đạt 100%; Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G đạt 100%.

(19) Hằng năm các chỉ tiêu tuyển quân; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; chỉ tiêu động viên quân nhân dự bị đạt 100%; huấn luyện dân quân đạt khá trở lên; Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số đạt 4,06%.

(20) Phần đầu đến năm 2030 xây dựng xã không ma túy; hàng năm kiểm chế tai nạn giao thông giảm 5% trên cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết và số bị thương); Các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được xem xét, giải quyết đạt 100%; tỷ lệ điều tra khám phá án chung hằng năm đạt 85% trở lên.

(chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

II. Công tác quán triệt, triển khai, tuyên truyền

- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tổ chức tốt việc triển khai nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2030 tạo sự thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về các quan điểm, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết; triển khai tuyên truyền định hướng, mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2026-2030 đã được thông qua.

- Phòng Văn hóa – Xã hội tập trung tuyên truyền về nội dung, kết quả thực hiện Nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng kế hoạch triển khai và hướng dẫn tuyên truyền về Nghị quyết Đại hội, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

III. Thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu

Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể căn cứ các quan điểm, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 08/8/2025 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15/11/2025 về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh 5 năm 2026 – 2030 tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện, tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả. Đồng thời, tập trung thực hiện tốt các giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Phát triển kinh tế

1.1. Phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới

1.1.1. Nhiệm vụ, giải pháp

- Tập trung sản xuất các cây trồng hàng năm đảm bảo đạt và vượt mục tiêu về diện tích, khung thời vụ, cơ cấu giống; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng có giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ. Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng tập trung, nâng cao giá trị. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã triển khai sản xuất tập trung quy mô lớn, sản xuất theo chuỗi giá trị. Phân bổ kịp thời và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đặc biệt là nguồn lực các Chương trình MTQG tập trung thực hiện các dự án phát triển sản xuất có hiệu quả.

- Rà soát xác định vùng chuyên canh cho 2–3 cây trồng lợi thế của địa phương như mận, hồng không hạt; dược liệu vườn rừng. Thực hiện quy hoạch sản xuất một số cây trồng và chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo lợi thế vùng. Đẩy mạnh triển khai phát triển, tăng diện tích trồng cây ăn quả có giá trị: mận, hồng không hạt, các cây trồng có thị trường tiêu thụ ổn định. Phát triển cây dược liệu: gừng, nghệ,... gắn với tiêu thụ sản phẩm; Sử dụng giống cây trồng chất lượng, năng suất cao, kháng sâu bệnh, chịu hạn tốt; chú trọng giống bản địa cải tiến. Canh tác hữu cơ, nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu. ứng dụng kỹ thuật canh tác. Tập

trung khuyến khích phát triển sản xuất theo hướng tập trung, nâng cao giá trị; tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất: Chuyển đổi giống mới, năng suất cao; xây dựng mô hình sản xuất an toàn. Quan tâm tập huấn kỹ thuật sản xuất. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi (diện tích, lịch thời vụ) hàng năm.

- Tập trung chỉ đạo phát triển đàn vật nuôi trên địa bàn theo hướng gia trại, trang trại; Tập trung phát triển chăn nuôi đại gia súc chủ lực gắn với lợi thế chợ bò của địa phương. Quản lý dịch bệnh chặt chẽ. Liên kết sản xuất – tiêu thụ sản phẩm trong chăn nuôi. Tập trung thực hiện tốt công tác chăn nuôi an toàn sinh học, xử lý chất thải. Tạo nguồn thức ăn xanh bền vững từ cỏ, phụ phẩm nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, thực hiện trồng rừng đảm bảo về chất lượng, hiệu quả, trong đó chú trọng công tác trồng lại rừng sau khai thác. Tập trung trồng mỡ, keo, quế, hồi. Phát triển cây trồng khác phục vụ công nghiệp chế biến. Giao khoán bảo vệ rừng cho hộ dân và cộng đồng; kết hợp trồng cây phân tán ở khu dân cư, ven đường. Khai thác và chế biến lâm sản khuyến khích đầu tư cơ sở sơ chế gỗ, quế, hồi; gắn với chế biến sâu nâng cao giá trị. Tranh thủ nguồn lực các Chương trình MTQG tập trung thực hiện các dự án phát triển rừng có hiệu quả; hỗ trợ giống, vật tư. Xây dựng mô hình rừng trồng hỗn hợp (gỗ + cây ăn quả + cây che phủ) phù hợp điều kiện đất đai để giảm rủi ro thị trường và cải thiện thu nhập. Khuyến khích hộ nuôi trồng kết hợp (kết hợp trồng rừng với chăn nuôi bò dê dưới tán rừng có kiểm soát).

- Tập trung thực hiện tốt công tác Liên kết sản xuất – tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích phát triển hình thành tổ hợp tác, HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp, người dân thu mua các sản phẩm nông sản. Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm OCOP. Hướng dẫn kỹ năng quản lý hợp tác xã, đẩy mạnh quảng bá, liên kết và kỹ năng bán hàng. Xây dựng thương hiệu nông sản đặc trưng.

- Tập trung xây dựng nông thôn mới kết hợp giảm nghèo bền vững; cải thiện cơ sở hạ tầng, tăng thu nhập bền vững cho hộ nghèo, nâng cao chất lượng dịch vụ công. Lập kế hoạch trung hạn và hằng năm, lộ trình thực hiện nông thôn mới và giảm nghèo. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.1.2. Tổ chức thực hiện

- Giao phòng Kinh tế chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND xã xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện, tổ chức đánh giá kết quả các nhiệm vụ hàng năm. Trong đó, tập trung xây dựng các Kế hoạch cụ thể sau:

- + Xây dựng kế hoạch triển khai phát triển một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế trên địa bàn xã giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2030. Tham mưu

xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện hằng năm và tổ chức đánh giá hàng năm về kết quả thực hiện.

- + Xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hằng năm; Kế hoạch chuyển đổi diện tích canh tác lúa, ngô kém hiệu quả sang trồng các cây trồng khác có giá trị kinh tế hằng năm.

- + Xây dựng phát triển chăn nuôi đàn đại gia súc, đàn lợn và phát triển chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại.

- + Xây dựng các kế hoạch về công tác xây dựng nông thôn mới, công tác giảm nghèo giai đoạn 2026-2030 và hằng năm đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

1.2. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

1.2.1. Nhiệm vụ, giải pháp.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gắn với thu hút đầu tư, tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ giải pháp phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sửa chữa cơ khí, chế biến gỗ rừng trồng, nông lâm sản, dược liệu... đáp ứng nhu cầu sản xuất, đời sống Nhân dân. Khuyến khích mô hình liên kết “Doanh nghiệp – Hợp tác xã – Hộ sản xuất”. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ, quảng bá sản phẩm đặc sản vùng miền. Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm đặc trưng.

1.2.2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Kinh tế chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, tổ chức đánh giá kết quả các nhiệm vụ hằng năm thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Thời gian hoàn thành trong quý I năm 2026.

1.3. Phát triển thương mại - dịch vụ

1.3.1. Nhiệm vụ, giải pháp

Tạo điều kiện thuận lợi phát triển hệ thống cửa hàng tiện ích. Đầu tư hoàn thiện Chợ đảm bảo về hạ tầng phục vụ trao đổi, mua bán, phân phối hàng hóa, đáp ứng nhu cầu giao thương hàng hóa của nhân dân. Thực hiện tốt công tác xúc tiến thương mại để giới thiệu, quảng bá sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm có lợi thế của địa phương. Quan tâm đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng để khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng du lịch, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; gìn giữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

1.3.2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Kinh tế chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng các kế hoạch về Phát triển thương mại - dịch vụ; tổ chức thực hiện, tổ chức đánh giá kết quả các nhiệm vụ hằng năm. Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn 2026-2030 để quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm sản

của xã. Tham gia sự kiện xúc tiến thương mại do tỉnh tổ chức hàng năm. Xây dựng kế hoạch đầu tư, cải tạo, nâng cấp chợ bò Nghiên Loan đảm bảo về hạ tầng đồng bộ tạo động lực thúc đẩy kết nối sản xuất – tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

1.4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

1.4.1. Nhiệm vụ, giải pháp

Rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 và hằng năm; lập phân bổ kế hoạch vốn tổ chức thực hiện theo quy định. Tập trung ưu tiên triển khai thực hiện các công trình trọng tâm, trọng điểm gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế giai đoạn 2026 – 2030, đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các vùng khó khăn, thường xuyên bị thiên tai, bão lũ, điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các vùng kinh tế động lực, các công trình liên kết vùng...

1.4.2. Tổ chức thực hiện

+ Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của cấp trên về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030, tham mưu tổ chức thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy định; tham mưu xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 đảm bảo đúng quy định, thời gian yêu cầu.

+ Khẩn trương tham mưu hoàn thành công tác lập quy hoạch xây dựng xã đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

+ Tăng cường công tác quản lý đầu tư công đảm bảo chất lượng, hiệu quả, phát huy nguồn vốn được giao.

1.5. Công tác Thu - chi ngân sách

1.5.1. Nhiệm vụ, giải pháp

- Thực hiện tốt công tác quản lý thu - chi ngân sách trên địa bàn. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu theo quy định, đặc biệt là thuế, phí, lệ phí... Khuyến khích đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để mở rộng sản xuất có hiệu quả góp phần làm tăng thu ngân sách ổn định và bền vững. Tăng cường kiểm tra, rà soát các cơ sở sản xuất - kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp để chống thất thu, trốn thuế. Đa dạng hóa nguồn thu gắn với tiềm năng địa phương. Thúc đẩy công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp hàng hóa, dịch vụ để tạo nguồn thu từ thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, phí dịch vụ.

- Chỉ đạo điều hành chi ngân sách, thực hiện tốt luật ngân sách Nhà nước, đảm bảo cân đối nhu cầu chi thường xuyên, thực hành tiết kiệm chi, chống lãng phí.

- Rà soát, quản lý chặt chẽ các nguồn thu: Thuế sử dụng đất nông nghiệp, phi nông nghiệp; Thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ, chợ phiên; Thu phí, lệ phí (chứng thực, thủ tục hành chính...). Tăng cường công tác quản lý thuế và phí để tránh thất thoát nguồn thu.

1.5.2. Tổ chức thực hiện

- Thuế Cơ sở 7 tỉnh Thái Nguyên: Tham mưu xây dựng Kế hoạch thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030 cụ thể hằng năm và theo từng sắc thuế. Xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác, chống thất thu ngân sách.

- Phòng Kinh tế xã: Tham mưu thực hiện tốt các tiêu chí, định mức, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo hướng dẫn của tỉnh. Xây dựng kế hoạch chi ngân sách giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã. Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về quản lý thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn. Phối hợp với Thuế Cơ sở 7 tham mưu kịp thời công tác quản lý, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

1.6. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã

1.6.1. Nhiệm vụ, giải pháp

Tập trung hướng dẫn, củng cố các hợp tác xã hoạt động theo quy định; xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hiệu quả, đẩy mạnh thực hiện liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư phát triển nông, lâm; tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

1.6.2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Kinh tế chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND xã xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện, tổ chức đánh giá kết quả các nhiệm vụ hàng năm. Trong đó, tập trung xây dựng các Kế hoạch cụ thể sau:

Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030 gắn với thực hiện các mô hình phát triển, đẩy mạnh thực hiện liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; Tham mưu xây dựng kế hoạch về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn xã.

1.7. Công tác quản lý Tài nguyên - Môi trường.

1.7.1. Nhiệm vụ, giải pháp:

Tăng cường công tác quản lý đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức về chính sách, pháp luật về đất đai và môi trường và các văn bản có liên quan để người dân sử dụng đất tài nguyên đúng mục đích, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai theo quy hoạch nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, nắm tình hình, kịp thời ngăn chặn các hành vi có liên quan đến khai thác khoáng sản trái phép, vi phạm môi trường trên địa bàn. Xây dựng phương án chủ động và ứng phó hiệu quả (4 tại chỗ). Tăng cường tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức phòng chống thiên tai.

1.7.2. Tổ chức thực hiện:

Giao Phòng Kinh tế xã chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND xã xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện, tổ chức đánh giá kết quả các nhiệm vụ hàng năm. Trong đó, tập trung xây dựng các Kế hoạch cụ thể sau:

- Tổ chức thực hiện công tác Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026-2030. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm làm căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

- Kế hoạch tổ chức thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hàng năm.

- Thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp bảo vệ môi trường hằng năm theo quy định.

2. Về phát triển Văn hóa - Xã hội

2.1. Công tác Giáo dục và Đào tạo

2.1.1. Nhiệm vụ, giải pháp

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là Nghị quyết của Bộ Chính trị khóa XIII về đột phá phát triển giáo dục, đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục nề nếp, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Tăng cường đầu tư ngân sách cho giáo dục, đặc biệt là cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới; Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục; Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động người dân tham gia phong trào xây dựng xã hội học tập.

Quan tâm thu hút các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo, tăng cường phổ cập giáo dục, công tác xóa mù chữ, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; Phấn đấu 100% thôn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; Đảm bảo không có thôn tái mù chữ; Tăng cường tiếp cận giáo dục cho trẻ em dân tộc thiểu số; Tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng giáo dục định kỳ, Huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi đến trường đúng độ tuổi, Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao nhận thức cộng đồng về giáo dục. Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các trường học. Tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị trường học theo hướng chuẩn hóa; bố trí nguồn lực đầu tư các trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

Phấn đấu đến năm 2030 công nhận mới 04 trường đạt chuẩn quốc gia.

2.1.2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Văn hóa – Xã hội chủ trì phối hợp với các trường học trên địa xã bàn, các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND xã xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện, tổ chức đánh giá kết quả các nhiệm vụ hàng năm.

Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về Giáo dục và Đào tạo; Tham mưu xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn khi có hướng dẫn của Tỉnh. Tham mưu xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non các cấp. Xây dựng Kế hoạch thực hiện trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2030.

2.2. Công tác Y tế, Dân số - KHHGD và chăm sóc trẻ em.

2.2.1. Nhiệm vụ, giải pháp

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, phát huy tốt vai trò y tế cơ sở, xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có phẩm chất đạo đức tốt, đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới. Huy động nguồn lực từ chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, y tế, nông thôn mới để hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số.

+ Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi. Tuyên truyền cho phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ kiến thức làm mẹ an toàn, khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và duy trì bú mẹ đến 24 tháng hoặc lâu hơn, hướng dẫn bổ sung ăn dặm đúng cách, đủ chất theo từng độ tuổi, chú trọng đa dạng thực phẩm, cân đối nhóm chất; Thực hiện chương trình bổ sung vi chất dinh dưỡng (vitamin A, sắt, kẽm, iốt...) cho trẻ nhỏ và phụ nữ mang thai. Định kỳ cân đo, theo dõi biểu đồ tăng trưởng để phát hiện sớm nguy cơ suy dinh dưỡng. Quản lý thai nghén, khám thai định kỳ, hỗ trợ chế độ dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, tăng cường dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống bệnh tật cho phụ nữ và trẻ em.

+ Xây dựng kế hoạch tiêm chủng hằng năm với chỉ tiêu cụ thể cho từng thôn/bản. Cập nhật, quản lý danh sách trẻ dưới 01 tuổi đầy đủ, chính xác; phân công cán bộ phụ trách theo dõi từng thôn. Tổ chức tiêm chủng thường xuyên, định kỳ và tiêm vét đối với những trẻ bỏ sót hoặc chưa đủ mũi. Cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử cho trẻ em.

+ Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về ý nghĩa, quyền lợi và trách nhiệm khi tham gia BHYT. Đảm bảo các nhóm thuộc diện Nhà nước đóng hoặc hỗ trợ mức đóng đều được cấp thẻ kịp thời, vận động người dân trong nhóm hộ gia đình, lao động tự do tham gia theo hộ gia đình để giảm chi phí. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại trạm y tế xã, tạo niềm tin cho người dân khi dùng BHYT.

2.2.2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Văn hóa – Xã hội chủ trì phối hợp với Trạm y tế xã chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND xã xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả hàng năm.

2.3. Công tác Lao động, thương binh và xã hội.

2.3.1. Nhiệm vụ, giải pháp

- Giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách đối với người có công và thân nhân người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội; duy trì các phong trào đền ơn đáp nghĩa. Tiếp tục tập trung thực hiện kịp thời, có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế.

- Tăng cường việc triển khai chương trình dạy nghề; hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số. Rà soát nhu cầu đào tạo nghề của lao động tại địa phương để có cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng đào tạo nghề của lao động nông thôn, có được đội ngũ lao động có tay nghề phù hợp với quy hoạch phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả đào tạo sau học nghề. Thu thập thông tin cơ bản, chính xác về thực trạng lao động, việc làm, thất nghiệp và thông tin biến động của người lao động cư trú trên địa bàn xã làm cơ sở quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; làm cơ sở hoạch định chính sách việc làm và phát triển nguồn nhân lực của xã. Phối hợp cùng các doanh nghiệp tuyển dụng lao động tổ chức các phiên giao dịch việc làm để tạo cơ hội tìm kiếm việc làm mới, có thu nhập ổn định cho người lao động trên địa bàn xã.

2.3.2. Tổ chức thực hiện

Giao phòng Văn hóa – Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND xã xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện, tổ chức đánh giá kết quả các nhiệm vụ hàng năm. Trong đó, tập trung xây dựng các Kế hoạch cụ thể sau:

- Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề giai đoạn 2026-2030, hoàn thành trong tháng quý I/2026.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

2.4. Phát triển Văn hóa, thể thao; thông tin và truyền thông

2.4.1. Nhiệm vụ, giải pháp

Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa. Tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống các dân tộc tại địa phương và xây dựng nếp sống văn hóa. Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ quan, đơn vị, gia đình, làng văn hóa. Thực hiện tốt quy ước thôn bản. Tiếp tục xây dựng và phát triển thể dục thể thao quần chúng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường thể lực, trí lực cho Nhân dân phục vụ lao động, sản xuất, học tập, công tác.

Tuyên truyền các thôn thực hiện tốt các nội dung như: Chấp hành tốt chủ

trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ vững trật tự, an toàn xã hội; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng với phương châm “tùng người gương mẫu, tường nhà gương mẫu, toàn thôn gương mẫu”; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy ước, hương ước thôn bản.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp điều kiện thực tiễn; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện các giải pháp xây dựng và phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số.

Nâng cấp hạ tầng số, bảo đảm đường truyền Internet tốc độ cao, hệ thống máy chủ và nền tảng DVCTT hoạt động ổn định. Tích hợp, kết nối DVCTT với CSDL quốc gia (dân cư, đất đai, bảo hiểm, thuế...) để giảm giấy tờ, tự động hóa nhập liệu. Ứng dụng công nghệ mới: chữ ký số, định danh điện tử VNeID, thanh toán trực tuyến, thông báo tự động (Zalo/SMS/Email).

Chuẩn hóa quy trình: cắt giảm thủ tục không cần thiết, tránh tình trạng “nộp trực tuyến nhưng vẫn phải bổ sung hồ sơ giấy”.

Đa dạng hóa trong công tác tuyên truyền, đào tạo Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân trong sử dụng CNTT. Thiết lập hỗ trợ đa kênh: hotline, chatbot, tổng đài 1022, Zalo OA giải đáp thắc mắc từ đó tạo phong trào “Mỗi người dân, mỗi hộ gia đình ít nhất một lần nộp hồ sơ trực tuyến/năm”. Lòng ghép nội dung “không tiền mặt - không giấy tờ” vào CCHC.

2.4.2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Văn hóa – Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND xã xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện, tổ chức đánh giá kết quả các nhiệm vụ hàng năm. Tham mưu xây dựng hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở giai đoạn 2026-2030; Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2026-2030. Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới phong cách và lề lối làm việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương và đội ngũ cán bộ, công chức viên chức trên địa bàn xã; Tiếp tục thực hiện kế hoạch sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo đúng quy định và phù hợp với thực tế địa phương. Xây dựng kế hoạch rà soát quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, cơ cấu. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức giai đoạn 2026-2030.

2.5. Công tác Dân tộc, tôn giáo.

2.5.1. Nhiệm vụ, giải pháp

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo theo nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển, góp phần tăng cường gắn kết khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật. Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo vào giữ gìn và nâng cao đạo đức truyền thống xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở các khu dân cư, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

Thực hiện đầy đủ chính sách dân tộc, quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; củng cố niềm tin của người dân đối với các cấp ủy đảng, chính quyền

2.5.2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Văn hóa – Xã hội chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND xã triển khai các Chương trình/chính sách dân tộc trên địa bàn xã. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2026-2030. Tham mưu UBND xã triển khai và thực hiện các chính sách tôn giáo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn.

2.6. Công tác nội chính

2.6.1. Nhiệm vụ, giải pháp

Thực hiện hiệu quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Thực hiện nghiêm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tiếp công dân, gắn việc tiếp công dân với xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

2.6.2. Tổ chức thực hiện

Giao Văn phòng HĐND và UBND xã chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND xã xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện, tổ chức đánh giá kết quả các nhiệm vụ hàng năm. Tham mưu ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thực hiện hàng năm. Tham mưu rà soát công bố danh mục văn bản quy phạm hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của HĐND, UBND xã, thực hiện hàng năm.

Phòng Kinh tế xã: Tham mưu ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2026 – 2030, hoàn thành quý I năm 2026.

2.7. Công tác bảo đảm Quốc phòng - An ninh

2.7.1. Nhiệm vụ, giải pháp.

Triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng, an ninh. Tập trung tăng cường tiềm lực quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Công tác sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu. Thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, kế hoạch phòng thủ dân sự, phương án xử trí tình huống an ninh phi truyền thống. Nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành của cơ quan quân sự trong ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cháy rừng, sạt lở, sự cố môi trường, đảm bảo “4 tại chỗ”. Tổ chức huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn định kỳ hằng năm sát với tình hình của địa phương.

Bảo đảm tuyển chọn đủ chỉ tiêu, đúng luật, công bằng, công khai, dân chủ. Nâng cao chất lượng thanh niên nhập ngũ, chú trọng tiêu chuẩn chính trị, sức khỏe, trình độ học vấn. Đẩy mạnh công tác tuyển sinh quân sự, hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên bổ sung nguồn cán bộ chất lượng cao cho Quân đội, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Tiếp tục củng cố, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, có chất lượng cao, đảm bảo tỷ lệ theo Đề án xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ giai đoạn 2026 - 2030 đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ, nhất là tại các địa bàn trọng điểm; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong từng cơ quan, đơn vị. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và đoàn viên, hội viên, đảm bảo phù hợp với từng đối tượng.

2.7.2. Tổ chức thực hiện.

- Ban Chỉ huy quân sự xã, Công an xã chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác bảo đảm Quốc phòng. Thực hiện chặt chẽ các khâu, các bước trong tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm đảm bảo chất lượng, gắn tuyển quân với tuyển chọn nguồn đào tạo cán bộ vùng sâu, vùng xa.

- Công an xã chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho

UBND xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác An ninh. Chủ trì thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, các tệ nạn xã hội. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm mới, tội phạm nguy hiểm, tội phạm công nghệ cao, tội phạm phi truyền thống. Đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm có tổ chức. Điều tra, làm rõ và xử lý các vụ án, triệt phá các tụ điểm phức tạp về ma túy và tệ nạn xã hội, không để phát sinh hình thành các tụ điểm mới. Phối hợp tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2026 - 2030, Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15/11/2025 kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh 5 năm 2026 – 2030 và Kế hoạch này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch của đơn vị mình tổ chức thực hiện nghiêm túc; Hằng năm sơ kết, tổng kết, đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình cụ thể và báo cáo UBND xã kết quả thực hiện.

2. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện, thời gian hoàn thành; cụ thể hoá thành kế hoạch công tác hằng năm, phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể đảm bảo hiệu quả.

Tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hằng quý vào ngày 20 tháng cuối quý, báo cáo UBND xã tình hình, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu, các chương trình, nhiệm vụ trọng tâm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp có khó khăn vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo UBND xã chỉ đạo, giải quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, đồng thuận thực hiện và giám sát quá trình triển khai kế hoạch nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I, nhiệm kỳ 2026 - 2030.

4. Văn phòng HĐND và UBND xã theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc kế hoạch Phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh giai đoạn 2026 – 2030 của UBND xã Nghiên Loan./.

**CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG AN NINH
GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh xã Nghiên loan giai đoạn 2026 – 2030)

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn <u>2026-</u> <u>2030</u>	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	KINH TẾ			Phòng kinh tế xã
1	Tăng trưởng kinh tế	%/năm	≥ 11	
2	Cơ cấu kinh tế đến năm 2030			
-	Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp, thủy sản	%	70	
-	Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng	%	10	
-	Giá trị thương mại - dịch vụ, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	20	
3	Tổng thu ngân sách (thu nội địa), trong đó:	Triệu đồng	17.915	
-	Thu tiền sử dụng đất	Triệu đồng	300	
-	Thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết	Triệu đồng	17.615	
-	Tốc độ tăng thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu	%	17,6	
4	Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030	Triệu đồng/người/nă m	≥ 33	
5	Xây dựng nông thôn mới hằng năm	Tiêu chí	2-3	
6	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	7,12	
7	Đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn	Đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn		
-	Sản lượng lương thực có hạt đến năm 2030	Tấn	5.250	
8	Tổng đàn đại gia súc (bao gồm xuất bán và giết mổ) đến năm 2030	Con	9.000	
9	Đàn lợn (bao gồm xuất bán và giết mổ) đến năm 2030	Con	20.000	
10	Tổng đàn gia cầm (bao gồm xuất bán và giết mổ) đến năm 2030	Con	64.000	
11	Đàn dê (bao gồm xuất bán và giết mổ) đến năm 2030	Con	2.000	
12	Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng đến năm 2030	Tấn	2.810	
13	Tiêm phòng hằng năm	%	≥ 80	
14	Diện tích trồng rừng tập chung	Ha	≥ 215	
15	Ổn định tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030	%	65	
16	Chuyển đổi diện tích canh tác lúa ngô kém hiệu quả sang trồng các cây trồng khác có giá trị kinh tế đến năm 2030	Ha	≥ 50	
17	Phát triển diện tích cây trồng có giá trị kinh tế (cây ăn quả, cây dược liệu...) đến năm 2030	Ha	≥ 200	
18	Xây dựng mô hình sản phẩm chủ lực của địa phương đến	Mô hình	≥ 2	

	năm 2030			
19	Tỷ lệ thu gom rác thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom xử lý bằng hình thức đốt, chôn lấp đến năm 2030	%	≥ 85	
20	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	
21	Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng xanh	%	20	
22	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến năm 2030	%	≥ 95	
23	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại nông thôn	%	78	
24	HTX hoạt động hiệu quả đến năm 2030	HTX	5	
25	Phát triển mới sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên đến 2030	Sản phẩm	3	
26	Xây dựng mô hình sản xuất sản phẩm chủ lực của địa phương đến năm 2030	Mô hình	≥ 2	
II	VĂN HÓA - XÃ HỘI			
27	Giáo dục:			
27.1	Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục	Đạt	Duy trì	
-	Phổ cập giáo dục Mầm non trẻ 5 tuổi	Đạt	Duy trì	
-	Phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3	Đạt	Duy trì	
-	Phổ cập THCS mức độ 2	Đạt	Duy trì	
27.2	Xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Duy trì	
27.3	Phấn đấu hằng năm trẻ em 5 tuổi ra lớp	%	100	
27.4	Phấn đấu hằng năm trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	%	100	
27.5	Phấn đấu hằng năm học sinh vào lớp 6	%	100	
27.6	Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1	%	60	
27.7	Số trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc bán trú	Trường	5	
28	Y tế			
28.1	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt	%	> 90	
28.1	Giảm tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng nhẹ cân dưới 5 tuổi xuống dưới	%	10	
28.3	Giảm tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng thấp còi dưới 5 tuổi xuống dưới	%	23	
28.4	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	100	
29	Lao động - Thương binh & xã hội			
29.1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt	%	> 75	
29.2	Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%	>38	
29.3	Tạo việc làm mới hàng năm	Lao động	150-200	
29.4	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn	%	<2,3	
30	Văn hóa			
30.1	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	> 90	
30.2	Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hóa	%	> 90	
30.3	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	> 90	
31	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	%	100	
32	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	%	100	
33	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G	%	100	

Phòng
Văn hóa
-Xã hội
xã

34	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công xã
III	QUỐC PHÒNG - AN NINH			
35	Chỉ tiêu tuyển quân hàng năm	%	100	Ban chỉ huy quân sự xã
36	Huấn luyện dân quân hằng năm	Xếp loại	Khá trở lên	
37	Tỷ lệ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh, động viên quân nhân dự bị hằng năm	%	100	
38	Tỷ lệ LL Dân quân, tự vệ so với dân số	%	4,06	
39	Tiếp nhận, xử lý giải quyết các vụ việc khiếu nại tố cáo, kiến nghị, phản ánh	%	100	Công an xã
40	Tỷ lệ điều tra khám phá án hằng năm	%	85	
41	Xây dựng xã không ma túy	Xếp loại	Đạt	
42	Kiểm chế số vụ tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí	%	5	

